

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KON TUM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2021/HS-ST
Ngày: 29/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TU MƠ RÔNG, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Quốc Dũng và ông Đoàn Mạnh Tiến;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thương;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tu Mơ Rông, tỉnh Kon Tum, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/HSST - QĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Phạm Ngọc C, tên gọi khác: Phạm Văn R, sinh ngày 10/10/1973 tại: Nam Định; Nơi cư trú: Xã X, huyện Y, tỉnh T; nghề nghiệp: Lao động tự do, dân tộc: Kinh, tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Khắc L và bà Lương Thị D; có vợ là Bùi Thị T và có 02 con. Bị cáo hiện đang bị tạm giam - Có mặt.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 01 tiền án:

Bản án số 83/2012/HSST ngày 27/11/2012 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 BLHS. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ bồi thường về dân sự của bản án.

Nhân thân:

- Năm 1988 bị UBND tỉnh Hà Nam Ninh ra quyết định đưa vào trường giáo dưỡng.

- Năm 1993 thực hiện hành vi trộm cắp bị Công an Quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính;

- Năm 1995 thực hiện hành vi trộm cắp bị Công an Quận Ba Đình, TP Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính;

- Năm 2003 thực hiện hành vi công nhiên chiếm đoạt tài sản bị Công an tỉnh Tuyên Quang xử phạt vi phạm hành chính.

*** Bị hại:**

- Bà Y R; địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Nguyễn M; địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện Đ, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Huỳnh Ngọc H, địa chỉ: Thôn Mă, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ sáng ngày 23/12/2020 khi đi ngang qua nhà chị Y R thôn N, xã Đ, huyện T bị cáo nhìn thấy chiếc xe mô tô để trên hiên nhà và có chìa khóa; bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp nên đã lén lút dắt xe ra đường và nổ máy đi về hướng xã Đ, huyện T. Đến khoảng 6 giờ sáng cùng ngày chị Y R phát hiện mất xe và đã báo Công an xã Đ, huyện T để làm việc. Bị cáo đã bị Công an huyện T phát hiện bắt giữ sau đó.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận trước đó, ngày 22/12/2020 bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại và 01 xe mô tô của anh Nguyễn M tại thôn 2, xã K, huyện Đ, tỉnh Kon Tum. Sau khi trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn M bị cáo đem bán cho anh Huỳnh Ngọc H tại thôn M, xã Đ, huyện T với giá 1.500.000đ; 01 điện thoại bị cáo giữ lại để sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 06/KL - ĐGTS ngày 25/12/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Tu Mơ Rông kết luận: Giá trị xe mô tô bị cáo trộm cắp của chị Y R là 16.100.000đ (Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số 41/KL - ĐGTS ngày 25/12/2020 của hội đồng định giá tài sản huyện Đăk Tô kết luận: Giá trị xe mô tô bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn M là 2.250.000đ; điện thoại giá trị 2.290.000đ (Tổng cộng giá trị điện thoại, xe mô tô của anh Nguyễn M là 4.540.000đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Cáo trạng số 04/CT - VKS ngày 05/4/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tu Mơ Rông truy tố bị cáo Phạm Ngọc C (Tên gọi khác: Phạm Văn R) về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa đại diện VKS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 điều 173, điểm s khoản 1 điều 51; điểm g, h khoản 1 điều 52 điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng tù. Buộc bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và nộp tiền án phí hình sự, dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết việc làm của bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và cũng không khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hành vi của bị cáo thể hiện: Bị cáo Phạm Ngọc C (Tên gọi khác Phạm Văn R) đã lén lút trộm cắp tài sản gồm 01 xe mô tô của chị Y R trị giá 16.100.000đ (Mười sáu triệu một trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô và 01 điện thoại của anh Nguyễn M tổng trị giá 4.540.000đ (Bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với nội dung vụ án mà Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố.

[3] Bị cáo lợi dụng sự chủ quan, sơ hở trong việc trông coi, quản lý tài sản của những người bị hại để chiếm đoạt tài sản tổng trị giá 20.640.000đ. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị đưa vào trường giáo dưỡng; nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính và hiện đang có tiền án. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bản án số

83/2012/HSST ngày 27/11/2012 Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 138 bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại nên chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do cố ý. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự. Bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản xe mô tô của chị Y R trị giá 16.100.000đ; điện thoại và xe mô tô của anh Nguyễn M tổng trị giá 4.540.000đ là thuộc trường hợp phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự. Vì vậy bị cáo phải chịu các tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 điều 52 bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Cần áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Ngoài ra trong vụ án này còn có anh Huỳnh Ngọc H là người đã mua xe mô tô mà bị cáo trộm cắp của anh Nguyễn M. Tuy nhiên anh H hoàn toàn không biết xe mô tô bị cáo bán là tài sản do trộm cắp mà có nên không có cơ sở xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh Huỳnh Ngọc H.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Y R và anh Nguyễn M đã nhận lại tài sản bị mất, không có yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Anh Huỳnh Ngọc H yêu cầu bị cáo trả lại số tiền đã mua xe mô tô 1.500.000đ. Đây là yêu cầu hợp pháp, có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- 02 xe mô tô và điện thoại đã được cơ quan điều tra trả lại cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Áp dụng khoản 2 điều 47 bộ luật hình sự: Số tiền 865.000 đồng thu được trên người bị cáo và hiện đang gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Mư Rông. Qua điều tra xác định số tiền này do bị cáo bán xe mô tô cho anh Huỳnh Ngọc H mà có. Anh Huỳnh Ngọc H yêu cầu được nhận lại số tiền này và yêu cầu bị cáo tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu. Vì vậy, cần tiếp tục tạm giữ để hoàn trả cho anh Huỳnh Ngọc H.

[7] Về án phí: Bị cáo bị kết án và phải bồi thường về dân sự nên phải chịu án phí hình sự, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 điều 173; Điểm s khoản 1 điều 51; điểm g, h khoản 1 điều

52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc C (Tên gọi khác Phạm Văn R) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc C 24 (Hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (24/12/2020).

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Anh Nguyễn M và chị Y R không yêu cầu bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo trả lại cho anh Huỳnh Ngọc H số tiền 1.500.000đồng. Bị cáo đã giao nộp 865.000đ (Tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) hiện đang gửi tại tài khoản tạm gửi của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tu Mơ Rông và được trả lại cho anh Huỳnh Ngọc H. Số tiền còn lại bị cáo tiếp tục phải hoàn trả cho anh Huỳnh Ngọc H là 635.000đ (Sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

Áp dụng điều 357, điều 468 Bộ luật dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bị cáo không trả đủ số tiền nêu trên, anh Huỳnh Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

*** Về xử lý vật chứng của vụ án:**

Cơ quan điều tra đã trả lại xe mô tô, điện thoại cho chủ sở hữu. chị Y H và anh Nguyễn M không yêu cầu gì nên không xem xét.

Số tiền 865.000đ (Tám trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) hiện đang tạm gửi tài khoản tạm gửi của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tu Mơ Rông được trả lại cho anh Huỳnh Ngọc H.

*** Về án phí:** Áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 6, điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Phạm Ngọc C (Tên gọi khác Phạm Văn R phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ Tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng số tiền án phí bị cáo phải nộp là 500.000đ(Năm trăm nghìn đồng) .

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (29/4/2021). Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành

án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo,
- Bị hại,
- Người có QLVN liên quan,
- VKSND huyện T,
- VKS ND tỉnh Kon Tum,
- TAND tỉnh Kon Tum,
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng,
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum,
- CA huyện T.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Châu